

**TỔNG HỢP CÁC BẢN ÁN TRANH CHẤP GIỮA NGƯỜI CHƯA PHẢI LÀ THÀNH VIÊN CÔNG TY NHƯNG CÓ GIAO DỊCH VỀ CHUYÊN NHƯỢNG PHẦN VỐN GÓP VỚI CÔNG TY, THÀNH VIÊN CÔNG TY**

ST T	Số hiệu bản án	Ngày ban hành	Tòa án	TÊN VÀ NỘI DUNG BẢN ÁN	File Bản án đính kèm
1.	<b>01/2022/KDTM-PT</b>	<b>07/01/2022</b>	<b>TAND Cấp cao tại TP. Đà Nẵng</b>	<p><b>Bản án số 01/2022/KDTM-PT Ngày 07/01/2022 của TAND Cấp cao tại TP. Đà Nẵng V/v “Tranh chấp giữa thành viên Công ty và người chưa phải là thành viên Công ty nhưng có giao dịch về chuyên nhượng phần vốn góp”</b></p> <p><b>Thông tin chung</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa người chưa phải là thành viên công ty nhưng có giao dịch về chuyên nhượng phần vốn góp với công ty, thành viên công ty</li> <li>- Cấp xét xử: Phúc thẩm</li> <li>- Loại vụ/việc: Kinh doanh thương mại</li> <li>- Tòa án xét xử: TAND cấp cao tại Đà Nẵng</li> <li>- Áp dụng án lệ: Không</li> <li>- Thông tin về vụ/việc: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn bà Trịnh Thị H1 và kháng cáo của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Châu Thị Nh, bà Lê Thị Ng. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.</li> </ul> <p><b>Tóm tắt nội dung vụ án:</b></p> <p>Công ty trách nhiệm hữu hạn trồng rừng Y (Gọi tắt là Công ty) được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đắk Lắk chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu vào ngày 17/6/2010. Có trụ sở tại tiểu khu 251, Cầu Y1, xã E, huyện E1, tỉnh Đắk Lắk. Vốn điều lệ ban đầu là 19.500.000.000 đồng (Mười chín tỷ năm trăm triệu đồng).</p>	<p><a href="https://drive.google.com/file/d/1P1L3ge_sWdE9q1GKLITDNHAMGazWbDiE/view?usp=sharing">https://drive.google.com/file/d/1P1L3ge_sWdE9q1GKLITDNHAMGazWbDiE/view?usp=sharing</a></p>

			<p>Thành viên góp vốn ban đầu có 02 thành viên là ông Nguyễn Văn Q có giá trị góp vốn là 10.000.000.000 đồng (Mười tỷ đồng), chiếm 51,28% tỷ lệ vốn góp. Bà Lê Thị Ng có giá trị góp vốn là 9.500.000.000 đồng (Chín tỷ năm trăm triệu đồng), chiếm 48,72% tỷ lệ vốn góp.</p> <p>Ngày 14/9/2017, ông Nguyễn Văn Q thoả thuận chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp trong Công ty TNHH trồng rừng Y nêu trên cho bà Trịnh Thị H1 với giá chuyển nhượng là 2.940.000.000 đồng (Hai tỷ chín trăm bốn mươi triệu đồng). Bà H1 thanh toán 500.000.000 đồng. Ngày 06/01/2018, bà H1 thanh toán tiếp 200.000.000 đồng còn nợ lại là 2.240.000.000 đồng (Hai tỷ hai trăm bốn mươi triệu đồng) bà H1 cam kết sẽ thanh toán dứt điểm vào ngày 20/7/2018.</p> <p>Đến ngày 15/8/2018, bà H1 thanh toán thêm 200.000.000 đồng còn nợ lại là 2.040.000.000 đồng (Hai tỷ không trăm bốn mươi triệu đồng). Cho đến nay bà H1 không trả thêm đồng nào nên ông Nguyễn Văn Q khởi kiện yêu cầu bà Trịnh Thị H1 phải trả cho ông số tiền còn nợ lại là 2.040.000.000 đồng (Hai tỷ không trăm bốn mươi triệu đồng) và tiền lãi là 09%/năm kể từ ngày 20/7/2018 đến khi trả hết nợ.</p> <p><b>Toà án sơ thẩm tuyên:</b></p> <ol style="list-style-type: none"><li>1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Nguyễn Văn Q.</li><li>2. Buộc bà Trịnh Thị H1 phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn Q số tiền 2.444.196.164 đồng. Bao gồm 2.040.000.000 đồng tiền nhận chuyển nhượng vốn góp còn thiếu và 404.196.164 đồng tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ.</li><li>3. Đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Trần Thị H6 về việc yêu cầu Toà án tuyên buộc ông Q phải giao cho bà Hải 31,5 ha đất tương đương với số tiền 316.000.000 đồng mà chồng bà Hải đã góp vào Công ty TNHH trồng rừng Y.</li><li>4. Đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Châu Thị Nh về việc Toà án huỷ hợp đồng chuyển nhượng vốn góp trong Công ty ngày 02/4/2017 giữa ông Nguyễn Văn Q và ông Bạch Văn Q1; Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp ngày 24/11/2017 giữa ông Bạch Văn Q1 và bà Trịnh Thị H1.</li><li>5. Không chấp nhận yêu cầu phản tố ngày 06/7/2020 của bị đơn bà Trịnh Thị H1.</li><li>6. Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về lãi suất chậm thi hành án, án phí sơ thẩm và quyền kháng cáo, quyền yêu cầu thi hành theo quy định.</li></ol>	
--	--	--	--	--

**Toà án phúc thẩm tuyên:**

1. Buộc bà Trịnh Thị H1 phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn Q số tiền 2.444.196.164 đồng (*Hai tỷ, bốn trăm bốn mươi bốn triệu một trăm chín mươi sáu nghìn một trăm sáu mươi tư đồng*). Bao gồm 2.040.000.000 đồng tiền nhận chuyển nhượng vốn góp còn thiếu và 404.196.164 đồng tiền lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ.
2. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.
3. Đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Trần Thị H6 về việc đề nghị Tòa án tuyên buộc ông Q phải giao cho bà Hải 31,5ha đất tương đương với số tiền 316.000.000 đồng mà chồng bà Hải đã góp vào Công ty TNHH trồng rừng Y.
4. Đình chỉ yêu cầu độc lập của bà Châu Thị Nh về việc đề nghị Tòa án hủy Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp trong Công ty ngày 02/11/2017 giữa ông Nguyễn Văn Q và ông Bạch Văn Q1; Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp ngày 24/11/2017 giữa ông Bạch Văn Q1 và bà Trịnh Thị H1.
5. Không chấp nhận yêu cầu phản tố ngày 06/7/2020 của bị đơn bà Trịnh Thị H1. 5. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:
  - Bà Trịnh Thị H1 phải chịu 2.000.000 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 2.000.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng số AA/2019/0015499 ngày 12/10/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.
  - Bà Châu Thị Nh phải chịu 2.000.000 đồng tiền án phí phúc thẩm nhưng được khấu trừ số tiền đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng số AA/2019/0017407 ngày 21/10/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.
  - Bà Lê Thị Ng phải chịu 2.000.000 đồng án phí phúc thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 2.000.000 đồng đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng số AA/2019/0015492 ngày 07/10/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

**Cơ sở pháp lý:**

				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ luật dân sự năm 2015: Điều 200, Điều 357, khoản 2 Điều 468</li> <li>- Bộ luật tố tụng dân sự 2015: khoản 3 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 37; Điều 147; khoản 2 Điều 217; Điều 227; Điều 296; Khoản 1 Điều 308</li> <li>- Luật Doanh nghiệp 2014: Điều 53; Điều 68</li> <li>- Luật Đất đai 2013: khoản 1 Điều 175</li> <li>- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án</li> </ul>	
2.	14/2022/ KDTM-PT	14/4/2022	<b>TAND Cấp cao tại TP. Đà Nẵng</b>	<p><b>Bản án số 14/2022/KDTM-PT Ngày 14/4/2022 của TAND Cấp cao tại TP. Đà Nẵng V/v “Tranh chấp Hợp đồng chuyển nhượng vốn và tài sản</b></p> <p><b>Thông tin chung</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa người chưa phải là thành viên công ty nhưng có giao dịch về chuyển nhượng phần vốn góp với công ty, thành viên công ty</li> <li>- Cấp xét xử: Phúc thẩm</li> <li>- Loại vụ/việc: Kinh doanh thương mại</li> <li>- Tòa án xét xử: TAND cấp cao tại Đà Nẵng</li> <li>- Áp dụng án lệ: Không</li> <li>- Thông tin về vụ/việc: Không chấp nhận kháng cáo của ông Nguyễn T, ông Nguyễn Đ P và của Công ty TNHH Thiết kế Xây dựng và Thương mại H, giữ nguyên bản án sơ thẩm.</li> </ul> <p><b>Tóm tắt nội dung vụ án:</b></p> <p>Ngày 05/3/2001, Công ty TNHH Xây dựng T (Công ty T) được thành lập có 02 thành viên sáng lập là ông Nguyễn T, ông Nguyễn Đ P và do ông B là người đại diện theo pháp luật. Qua các lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp từ lần 01 đến lần 03, Công ty T chỉ có 02 thành viên sáng lập, nhưng Giấy đăng ký doanh nghiệp lần 4 và lần 5 có thêm thành viên góp vốn là ông Phạm Thái H. Tuy nhiên, do ông H không</p>	<a href="https://drive.google.com/file/d/1VhLZog2TPi7omSTIkIk9xZfCsy6FKa0t/view?usp=drive_link">https://drive.google.com/file/d/1VhLZog2TPi7omSTIkIk9xZfCsy6FKa0t/view?usp=drive_link</a>

			<p>góp vốn nên khi thay đổi Giấy phép đăng ký doanh nghiệp lần thứ 6 Công ty T chỉ còn lại 02 thành viên như ban đầu.</p> <p>Ngày 10/4/2012, ông B và ông P chuyển nhượng số vốn góp vào Công ty T gồm: Đất nhà máy, đất mỏ khai thác Titan tại xã S, huyện L, tỉnh Quảng Bình có diện tích 37ha (theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất ngày 05/02/2010) cho Công ty H với giá 18.000.000.000 đồng theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn và tài sản số 01/HĐCT và Hợp đồng số 03/HĐCT ngày 10/4/2012, thời hạn thanh toán được chia làm 03 giai đoạn, cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Đợt 1: Sau khi Công ty T được cấp Giấy phép kinh doanh lần thứ 7, Công ty H sẽ chuyển cho ông B, ông P 5.000.000.000 đồng.</li><li>- Đợt 2: Sau 30 ngày kể từ ngày chuyển tiền đợt 1, Công ty H chuyển tiếp số tiền 5.000.000.000 đồng.</li><li>- Đợt 3: Đến hết ngày 31/12/2012, Công ty H chuyển cho ông B, ông P số tiền 8.000.000.000 đồng.</li></ul> <p>Để phù hợp với hồ sơ kế toán và có cơ sở cho bên nhận chuyển nhượng thực hiện việc thay đổi Giấy phép đăng ký doanh nghiệp tương đương với số vốn góp của Công ty T là 9.170.000.000 đồng, nên cùng ngày 10/4/2012 hai bên ký Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp số 03/HĐCT giá là 10.000.000.000 đồng (được Văn phòng Công chứng V, tỉnh Quảng Trị chứng nhận ngày 19/4/2012).</p> <p>Ngày 20/4/2012, Công ty T được cấp Giấy phép đăng ký doanh nghiệp lần thứ 7 thì Công ty H mới chuyển cho ông B, ông P số tiền 1.400.000.000 đồng. Ngày 04/5/2012, Công ty H và ông H lại chuyển nhượng tài sản của Công ty T trên cho ông Phan Văn H với giá chuyển nhượng 9.700.000.000 đồng và thay đổi Giấy phép đăng ký doanh nghiệp của Công ty T lần thứ 8 do ông H là người đại diện theo pháp luật.</p> <p>Như vậy, Công ty H đã nhận chuyển nhượng quyền khai thác khoáng sản mỏ Titan tại S, L, Quảng Bình và khai thác, chuyển nhượng, hưởng hoa lợi trong nhiều năm, nhưng Tòa án chỉ xem xét yêu cầu hoàn trả 1.400.000.000 đồng cho Công ty H, không xem xét hậu quả của Hợp đồng để buộc Công ty H phải hoàn trả giá trị tài sản mà ông B, ông P đã giao cho Công ty H là quyền sử dụng đất, quyền khai thác khoáng sản mỏ Titan tại S, L, Quảng Bình. Vì vậy, ông B và ông P yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Tuyên bố Hợp đồng chuyển nhượng vốn và tài sản số 01/HĐCT và Hợp đồng số 03/HĐCT ngày 10/4/2012 giữa ông B, ông P với Công ty H là vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu buộc Công ty H</li></ul>	
--	--	--	---	--

			<p>phải bồi thường số tiền 18.000.000.000 đồng theo Hợp đồng chuyển nhượng, trừ 1.400.000.000 đồng còn 16.600.000.000 đồng.</p> <p>- Hủy Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 7 và lần thứ 8 đã cấp cho Công ty T và khôi phục lại Giấy đăng ký doanh nghiệp lần 2 chỉ có ông B và ông P là thành viên góp vốn.</p> <p>Nguyên đơn ông B, ông P không chấp nhận trả cho Công ty H số tiền 1.185.000.000 đồng. Công ty H không chấp nhận yêu cầu của ông B, ông P về việc buộc Công ty H bồi thường số tiền 18.000.000.000 đồng.</p> <p><b>Toà án sơ thẩm tuyên:</b></p> <ol style="list-style-type: none"><li>1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn T và ông Nguyễn Đ P về việc yêu cầu buộc Công ty TNHH Thiết kế Xây dựng và Thương mại H trả số tiền 18.000.000.000đ.</li><li>2. Không chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH Thiết kế Xây dựng và Thương mại H về việc yêu cầu buộc ông Nguyễn T và ông Nguyễn Đ P trả số tiền 1.185.000.000đ.</li><li>3. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về phần chi phí tố tụng, án phí, quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.</li></ol> <p><b>Toà án phúc thẩm tuyên:</b></p> <ol style="list-style-type: none"><li>1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn T và ông Nguyễn Đ P về việc yêu cầu buộc Công ty TNHH Thiết kế Xây dựng và Thương mại H trả số tiền 18.000.000.000đ.</li><li>2. Không chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH Thiết kế Xây dựng và Thương mại H về việc yêu cầu buộc ông Nguyễn T và ông Nguyễn Đ P trả số tiền 1.185.000.000đ.</li><li>3. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Nguyễn T và ông Nguyễn Đ P phải chịu 2.000.000đ; Công ty TNHH Thiết kế Xây dựng và Thương mại H phải chịu 2.000.000đ. Được trừ vào số tiền ông Nguyễn T, ông Nguyễn Đ P và Công ty TNHH Thiết kế Xây dựng và Thương mại H đã nộp tại các Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2010/000844 ngày 29/6/2021 và số AA/2010/000855 ngày 22/7/2021 đều của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị.</li></ol> <p><b>Cơ sở pháp lý:</b></p>	
--	--	--	--	--

				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ luật tố tụng dân sự 2015: khoản 3 Điều 30; khoản 1 Điều 37; khoản 3 Điều 38; Điều 147; Điều 157; khoản 1 Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 308; khoản 1 Điều 273; khoản 1 Điều 308</li> <li>- Luật Thương mại 2005: Khoản 3 Điều 317</li> <li>- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26</li> </ul>	
3.	<b>15/2022 /KDTM-PT</b>	<b>09/12/2022</b>	<b>TAND tỉnh Đắk Lắk</b>	<p><b>Bản án số 15/2022/KDTM-PT Ngày 09/12/2022 của TAND tỉnh Đắk Lắk V/v “Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng tài sản và hợp đồng giữa người chưa phải là thành viên công ty nhưng có giao dịch về chuyển nhượng phần vốn góp với công ty, thành viên công ty”</b></p> <p><b>Thông tin chung</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa người chưa phải là thành viên công ty nhưng có giao dịch về chuyển nhượng phần vốn góp với công ty, thành viên công ty</li> <li>- Cấp xét xử: Phúc thẩm</li> <li>- Loại vụ/việc: Kinh doanh thương mại</li> <li>- Tòa án xét xử: TAND tỉnh Đắk Lắk</li> <li>- Áp dụng án lệ: Không</li> <li>- Thông tin về vụ/việc: Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng tài sản và hợp đồng giữa người chưa phải là thành viên công ty nhưng có giao dịch về chuyển nhượng phần vốn góp với công ty, thành viên công ty</li> </ul> <p><b>Tóm tắt nội dung vụ án:</b></p> <p>Ngày 24/1/2022, Công ty TNHH Thương mại Xăng dầu TH (Công ty TH) do ông Phan Văn H làm Giám đốc, có nhận chuyển nhượng tài sản của Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ TT (Công ty TT) do bà Huỳnh Lê Minh N làm giám đốc. Tài sản chuyển nhượng là Công trình xây dựng gắn với đất thuê thửa đất số 47, tờ bản đồ số 38, tại phường ET, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: CP 179858 số vào sổ cấp GCN: CT- 02448, do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 25/01/2019 với diện tích 2.761m2 bao gồm các hạng</p>	<a href="https://drive.google.com/file/d/1H Pox7clXuXb HifUxa86wZ RpF1hq8vd X4/view?usp=drive_link">https://drive.google.com/file/d/1H Pox7clXuXb HifUxa86wZ RpF1hq8vd X4/view?usp=drive_link</a>

			<p>mục công trình: Nhà xưởng tinh chế gỗ; Nhà kho, nhà ở công nhân, bảo vệ với giá trị chuyển nhượng 2.000.000.000 đồng, theo Hợp đồng số 02/2022/HĐCN. Công ty TH đã giao đủ tiền.</p> <p>Ngày 22/02/2022, Giám đốc công ty TH - ông Phan Văn H tiếp tục nhận chuyển nhượng phần vốn góp trong Công ty TT là 100% vốn điều lệ từ bà Huỳnh Lê Minh N, số tiền chuyển nhượng là 2.000.000.000 đồng (Hai tỷ đồng); ông H đã giao đủ tiền.</p> <p>Trong quá trình mua bán mặc dù theo Hợp đồng mua bán tài sản, vốn góp, bên Công ty TH đăng ký quyền sở hữu tài sản trên theo quy định của pháp luật, tuy nhiên Công ty TT không bàn giao tài sản, giấy tờ pháp lý có liên quan đến tài sản trên. Mặc dù công ty TH đã nhiều lần liên hệ nhưng đến nay gần 8 tháng nhưng vẫn chưa nhận được các giấy tờ pháp lý có liên quan đến khu đất này.</p> <p>Do vậy, nay Công ty TH khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết: Hủy Hợp đồng mua bán số 02/2022/HĐCN ngày 24/1/2022, giữa Công ty TH với Công ty TT, để Công ty TH trả tài sản mua bán trong hợp đồng về cho Công ty TT; Hủy Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp trong công ty được lập ngày 22/2/2022 giữa bà Huỳnh Lê Minh N và ông Phan Văn H.</p> <p>Ngoài ra, công ty TH đề nghị bà N trả lại hết số tiền 2.000.000.000 đồng mua bán tài sản trên và số tiền 2.000.000.000 đồng chuyển nhượng vốn góp cho Công ty TH. Đồng thời, đề nghị Tòa án kiến nghị, buộc Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đắk Lắk hủy bỏ lần đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 7 ngày 03/3/2022 của Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ TT; hủy bỏ lần đăng ký thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần thứ 4 ngày 18/3/2022 của Công ty TNHH Thương mại Xăng dầu TH; Hủy nội dung đăng ký sáp nhập giữa Công ty TNHH Thương mại Xăng dầu TH với Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ TT và khôi phục giá trị pháp lý của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 24/01/2022 của Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ TT; khôi phục giá trị pháp lý của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 19/01/2016 của Công ty TNHH Thương mại Xăng dầu TH, để các Công ty chúng tôi được khôi phục lại tình trạng ban đầu và tiếp tục hoạt động theo quy định pháp luật.</p> <p>Sau khi xét xử sơ thẩm, các đương sự không kháng cáo, nhưng Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã ban hành quyết định kháng nghị số 1409/QĐ-VKS-KDTM ngày 12/10/2022, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm hủy toàn bộ bản án sơ thẩm do Tòa án cấp sơ thẩm xác định sai quan hệ pháp luật và giải quyết không đúng thẩm quyền.</p> <p><b>Toà án sơ thẩm tuyên:</b></p>	
--	--	--	---	--



			<ol style="list-style-type: none"><li>1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - Công ty TNHH Thương mại Xăng dầu TH.</li><li>2. Hủy Hợp đồng chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất thuê, số 02/2022/HĐCN ngày 24/1/2022 (công chứng tại Văn phòng công chứng Đắc Lắc, số công chứng 001585 quyền số 01/2022/TP/CC-SCC/HĐGD), ký giữa Công ty TNHH Thương mại Xăng dầu TH (Ông Phan Văn H, chức vụ: Giám đốc) với Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ TT (Bà Huỳnh Lê Minh N, chức vụ: Giám đốc);</li><li>3. Hủy Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp trong công ty, ngày 22/2/2022, ký giữa bà Huỳnh Lê Minh N (là giám đốc Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ TT) và ông Phan Văn H (là giám đốc Công ty TNHH Thương mại Xăng dầu TH);</li><li>4. Buộc Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đắc Lắc hủy Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 03/3/2022 của Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ TT; Hủy Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 18/3/2022 của Công ty TNHH Thương mại Xăng dầu TH; Hủy nội dung đăng ký sáp nhập giữa Công ty TNHH Thương mại Xăng dầu TH với Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ TT; Và khôi phục giá trị pháp lý của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 24/01/2022 của Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ TT; Khôi phục giá trị pháp lý của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 19/01/2016 của Công ty TNHH Thương mại Xăng dầu TH.</li><li>5. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.</li></ol> <p><b>Toà án phúc thẩm tuyên:</b></p> <ol style="list-style-type: none"><li>1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự tại phiên tòa phúc thẩm.</li><li>2. Hủy Hợp đồng chuyển nhượng tài sản gắn liền với đất thuê, số 02/2022/HĐCN ngày 24/1/2022 (công chứng tại Văn phòng công chứng Đắc Lắc, số công chứng 001585 quyền số 01/2022/TP/CC-SCC/HĐGD), ký giữa Công ty TNHH Thương mại Xăng dầu TH (Ông Phan Văn H, chức vụ: Giám đốc) với Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ TT (Bà Huỳnh Lê Minh N, chức vụ: Giám đốc);</li></ol>	
--	--	--	--	--

				<p>3. Hủy Hợp đồng chuyển nhượng vốn góp trong công ty, ngày 22/2/2022, ký giữa bà Huỳnh Lê Minh N (là giám đốc Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ TT) và ông Phan Văn H (là giám đốc Công ty TNHH Thương mại Xăng dầu TH);</p> <p>4. Kiến nghị Phòng đăng ký kinh doanh - Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Đắk Lắk hủy Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 03/3/2022 của Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ TT; Hủy Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 18/3/2022 của Công ty TNHH Thương mại Xăng dầu TH; Hủy nội dung đăng ký sáp nhập giữa Công ty TNHH Thương mại Xăng dầu TH với Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ TT; Và khôi phục giá trị pháp lý của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 24/01/2022 của Công ty TNHH Đầu tư Thương mại và Dịch vụ TT; Khôi phục giá trị pháp lý của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đã đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 19/01/2016 của Công ty TNHH Thương mại Xăng dầu TH.</p> <p>5. Về án phí sơ thẩm: Công ty TNHH Thương mại Xăng dầu TH thỏa thuận chịu 6.000.000 đồng (Sáu triệu đồng) được khấu trừ 6.000.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: AA/2021/0021142 ngày 11/8/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.</p> <p>6. Về án phí phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí phúc thẩm.</p> <p><b>Cơ sở pháp lý:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ luật dân sự năm 2015: Điều 423, Điều 425, Điều 427</li> <li>- Bộ luật tố tụng dân sự 2015: khoản 1, khoản 3 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 37; Điểm a khoản 1 Điều 39 và các Điều 147, 227, 228, 266, 271, 273; khoản 3 Điều 308; khoản 2 Điều 310; Điều 300</li> <li>- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Khoản 2 Điều 26, khoản 5 Điều 29</li> </ul>	
4.	30/2022/ KDTM-PT	30/12/2022	TAND Cấp cao tại	<p><b>Bản án số 30/2022/KDTM-PT Ngày 30/12/2022 của TAND Cấp cao tại TP. Hà Nội về “Tranh chấp Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần, hủy Quyết định cá biệt”</b></p> <p><b>Thông tin chung</b></p>	<a href="https://drive.google.com/file/d/1YRVC7F_J-mC">https://drive.google.com/file/d/1YRVC7F_J-mC</a>

		<p><b>TP. Hà Nội</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa người chưa phải là thành viên công ty nhưng có giao dịch về chuyển nhượng phần vốn góp với công ty, thành viên công ty</li> <li>- Cấp xét xử: Phúc thẩm</li> <li>- Loại vụ/việc: Kinh doanh thương mại</li> <li>- Tòa án xét xử: TAND cấp cao tại Hà Nội</li> <li>- Áp dụng án lệ: Không</li> <li>- Thông tin về vụ/việc: "Tranh chấp Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần, hủy Quyết định cá biệt" giữa Nguyên đơn: Bà Hoàng Thị Kim V với Bị đơn: Bà Ngô Thị Mỹ H4 và Bà Nguyễn Thu T (Nguyễn Thị Thu T, Nguyễn Thị T)</li> </ul> <p><b>Tóm tắt nội dung vụ án:</b></p> <p>Bà Hoàng Thị Kim V có mối quan hệ quen biết với ông Nguyễn Đức T8. Năm 2017, ông T8 nhờ huy động vốn, bà V đã huy động vốn cho bà Ngô Thị Mỹ H4 (là vợ của ông T8) để đầu tư vào các dự án của Công ty cổ phần H4 (sau đây gọi tắt là Công ty H8), nhưng vì dự án kéo dài nên bà H4, ông T8 không có tiền để hoàn trả cho bà V. Do đó các bên đã thỏa thuận là bà H4 và bà Nguyễn Thị Thu T chuyển nhượng cổ phần cho bà V, cụ thể: Bà H4 chuyển nhượng 5.000 cổ phần chiếm 25% vốn Điều lệ, bà T chuyển nhượng 1.000 cổ phần chiếm 5% vốn Điều lệ tương đương giá trị vốn góp là 40.000.000.000đồng (bốn mươi tỷ đồng) cho bà V. Bà H4, bà T, bà V đã ký vào văn bản thỏa thuận chuyển nhượng cổ phần và bà Nguyễn Thị N1 là chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty H8 đã phát hành giấy chứng nhận phần vốn góp số 01/CN-GV ngày 07/8/2017 chứng nhận bà V là cổ đông của Công ty sở hữu 30% cổ phần tương đương giá trị góp vốn là 40.000.000.000đồng (bốn mươi tỷ đồng) kể từ ngày 07/8/2017, kể từ lúc này bà V đã là cổ đông của Công ty H8, tham gia vào các hoạt động của Công ty. Ngày 25/10/2017, bà N1 đã chỉ đạo nhân viên lập hợp đồng giả mạo với nội dung bà H4 chuyển nhượng 5.000 cổ phần chiếm 25% vốn Điều lệ cho bà Phạm Thị Kim T3 và đến ngày 24/5/2018 lập hợp đồng chuyển nhượng 5% cổ phần giả mạo giữa bà Nguyễn Thị Thu T, bà Phạm Thị Kim T3. Trên cơ sở đó Phòng kinh doanh của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Y đã thực hiện thay đổi đăng ký lần 2 ngày 06/11/2017 và lần 3 ngày 25/5/2018.</p> <p>Vì các lý do trên, bà V khởi kiện yêu cầu hủy: Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2017/HĐCNCP ngày 25/10/2017 giữa bà Ngô Thị Mỹ H4 với bà Phạm Thị Kim T3; Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số</p>	<p><a href="#">TqQS7uikX2NsOwvux83Mo/view?usp=drive_link</a></p>
--	--	--------------------------	--	--

08/2018/HĐCNCP ngày 24/5/2018 giữa bà Nguyễn Thị Thu T với bà Phạm Thị Kim T3; Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần giữa bà Phạm Thị Kim T3 với ông Nguyễn Anh T7. Không yêu cầu giải quyết hậu quả của các Hợp đồng vô hiệu. Đồng thời yêu cầu hủy Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 06/11/2017 và lần thứ 3 ngày 25/6/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Y cấp cho Công ty Cổ phần H4 vì lý do nội dung thay đổi cổ đông là giả mạo.

**Toà án sơ thẩm tuyên:**

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Hoàng Thị Kim V về việc yêu cầu hủy: Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 01/2017/HĐCNCP ngày 25/10/2017 giữa bà Ngô Thị Mỹ H4 với bà Phạm Thị Kim T3; Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần số 08/2018/HĐCNCP ngày 24/5/2018 giữa bà Nguyễn Thu T với bà Phạm Thị Kim T3; Hợp đồng chuyển nhượng cổ phần giữa Công ty TNHH thương mại H9 (người đại diện là bà Phạm Thị Kim T3) với ông Nguyễn Anh T7; yêu cầu hủy Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 06/11/2017 và lần thứ 3 ngày 25/6/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Y cấp cho Công ty Cổ phần H4.
2. Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

**Toà án phúc thẩm tuyên:**

1. Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Hoàng Thị Kim V; kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Y. Giữ nguyên quyết định của Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2022/ST-KDTM ngày 25 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Y.
2. Về án phí: Bà Hoàng Thị Kim V phải chịu 2.000.000 đồng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Ghi nhận bà Hoàng Thị Kim V đã nộp 2.000.000 đồng tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm theo Biên lai thu số 0002273 ngày 22/3/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Y

**Cơ sở pháp lý:**

- Bộ luật tố tụng dân sự 2015: Điều 30, 34, 68, 91, 92, 147, 174, 175, 207, 227, 228, 271 và Điều 273; khoản 3 Điều 308, Điều 310;

				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Doanh nghiệp 2014: khoản 3, khoản 4 Điều 119; Điều 8; khoản 1 Điều 31; Điều 32; khoản 1, khoản 2, khoản 7 Điều 126</li> <li>- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Khoản 3 Điều 26</li> </ul>	
5.	<b>08a/2023/ KDTM-PT</b>	<b>20/02/2023</b>	<b>TAND Cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh</b>	<p><b>Bản án số 08a/2023/KDTM-PT Ngày 20/02/2023 của TAND Cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh V/v Tranh chấp giữa người chưa phải là thành viên công ty với thành viên công ty TNHH và hủy hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp.</b></p> <p><b>Thông tin chung</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa người chưa phải là thành viên công ty nhưng có giao dịch về chuyển nhượng phần vốn góp với công ty, thành viên công ty</li> <li>- Cấp xét xử: Phúc thẩm</li> <li>- Loại vụ/việc: Kinh doanh thương mại</li> <li>- Tòa án xét xử: TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh</li> <li>- Áp dụng án lệ: Không</li> <li>- Thông tin về vụ/việc: bà Mai Thị Ánh X khởi kiện đối với ông Hồ Quang Th về việc hủy hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp số 05.2019/HĐCN-QT ngày 20/12/2019, giữa bên chuyển nhượng là ông Hồ Quang Th với bên nhận chuyển nhượng là bà Mai Thị Ánh X. Công nhận hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp số 05.2019/HĐCN-QT ngày 20/12/2019, giữa bên chuyển nhượng là ông Hồ Quang Th với bên nhận chuyển nhượng là bà Mai Thị Ánh X.</li> </ul> <p><b>Tóm tắt nội dung vụ án:</b></p> <p>Ngày 20/12/2019, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất và Thương mại Q (Công ty Q) hợp đồng nhất cho bà Nguyễn Thị Phương M và ông Hồ Quang Th chuyển nhượng hết phần vốn góp sang cho bà Mai Thị Ánh</p>	<p><a href="https://drive.google.com/file/d/1KRorXysCR1FWzO63uJ1QO_mPwnnHK4/view?usp=drive_link">https://drive.google.com/file/d/1KRorXysCR1FWzO63uJ1QO_mPwnnHK4/view?usp=drive_link</a></p>

			<p>X, thay đổi cơ cấu Công ty sang loại hình một thành viên là bà Mai Thị Ánh X. Công ty Q ban hành nghị quyết, thay đổi điều lệ công ty.</p> <p>Công ty Q – do bà Nguyễn Thị Phương M đại diện theo pháp luật đã đồng ý cho ông Hồ Quang Th chuyển nhượng phần vốn góp của ông Th cho bà Mai Thị Ánh X giá 1,2 tỷ đồng vào ngày 20/12/2019; Hai bên đã thanh toán tiền đủ ngày 23/12/2019, được chứng minh bằng:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Hợp đồng chuyển nhượng số 05.2019/HĐCN-QT ngày 20/12/2019, giữa ông Th, bà X, được Công ty xác nhận, đóng dấu cùng ngày;</li><li>- Biên nhận tiền ngày 23/12/2019, ông Th xác nhận có nhận của bà X tiền chuyển nhượng 40% phần vốn góp của ông trong công ty là 1,2 tỷ. Có xác nhận của đại diện theo pháp luật của công ty Q.</li></ul> <p>Khi Công ty thực hiện thủ tục chuyển tên thành viên từ ông Th sang cho bà X thì bị sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Ninh Thuận từ chối do Công ty Q bị cưỡng chế Thi hành án theo Quyết định số 05/QĐ-CTHADS ngày 14/8/2019. Công ty Q có các khoản nợ và sẽ bị cưỡng chế thì bà X biết nhưng vẫn đồng ý nhận chuyển nhượng phần vốn góp và chuyển quyền sở hữu công ty và thực hiện nghĩa vụ đối với các khoản nợ.</p> <p>Bà Mai Thị Ánh X cho rằng hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp giữa ông Th với bà X vi phạm điều cấm theo quy định tại Điều 5 của hợp đồng chuyển nhượng. Do đó, bà Mai Thị Ánh X khởi kiện ông Hồ Quang Th yêu cầu Tòa án hủy hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp giữa ông Hồ Quang Th (bên chuyển nhượng) với bà Mai Thị Ánh X (bên nhận chuyển nhượng); Ông Hồ Quang Th phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Mai Thị Ánh X 1.200.000.000đ. Bà Mai Thị Ánh X rút yêu cầu tính lãi của số tiền 1.200.000.000đ theo lãi suất do ngân hàng quy định.</p> <p><b>Toà án sơ thẩm tuyên:</b></p> <ol style="list-style-type: none"><li>1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị Ánh X đối với ông Hồ Quang Th về việc hủy hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp số 05.2019/HĐCN-QT ngày 20/12/2019, giữa bên chuyển nhượng là ông Hồ Quang Th với bên nhận chuyển nhượng là bà Mai Thị Ánh X. Công nhận hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp số 05.2019/HĐCN-QT ngày 20/12/2019, giữa bên chuyển nhượng là ông Hồ Quang Th với bên nhận chuyển nhượng là bà Mai Thị Ánh X.</li><li>2. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất và Thương mại Q có trách nhiệm thực hiện cập nhật thông tin của bà Mai Thị Ánh X trên sổ đăng ký thành viên công ty. Ông Hồ Quang Th vẫn có các quyền và nghĩa vụ đối với công ty tương ứng với phần vốn góp có liên quan cho đến khi thông tin về người</li></ol>	
--	--	--	---	--

mua (bà Mai Thị Ánh X) quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều 49 của Luật này được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký thành viên của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất và Thương mại Q

- Đình chỉ yêu cầu tính lãi của số tiền 1.200.000.000đ do người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút yêu cầu. Đương sự có quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu đã rút theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.
- Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo vụ án theo quy định pháp luật.

**Toà án phúc thẩm tuyên:**

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Mai Thị Ánh X đối với ông Hồ Quang Th về việc hủy hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp số 05.2019/HĐCN-QT ngày 20/12/2019, giữa bên chuyển nhượng là ông Hồ Quang Th với bên nhận chuyển nhượng là bà Mai Thị Ánh X. Công nhận hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp số 05.2019/HĐCN-QT ngày 20/12/2019, giữa bên chuyển nhượng là ông Hồ Quang Th với bên nhận chuyển nhượng là bà Mai Thị Ánh X.
- Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất và Thương mại Q có trách nhiệm thực hiện cập nhật thông tin của bà Mai Thị Ánh X trên sổ đăng ký thành viên công ty. Ông Hồ Quang Th vẫn có các quyền và nghĩa vụ đối với công ty tương ứng với phần vốn góp có liên quan cho đến khi thông tin về người mua (bà Mai Thị Ánh X) quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều 49 của Luật này được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký thành viên của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Sản xuất và Thương mại Q
- Đình chỉ yêu cầu tính lãi của số tiền 1.200.000.000đ do người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn rút yêu cầu. Đương sự có quyền khởi kiện lại đối với yêu cầu đã rút theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.
- Bà Mai Thị Ánh X phải chịu 48.000.000 đồng tiền án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 29.700.000 đồng bà X đã nộp tại biên lai số 0000432 ngày 07/12/2021 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Thuận, bà Mai Thị Ánh X còn phải nộp tiếp 18.300.000 đồng.
- Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Bà Mai Thị Ánh X phải chịu 2.000.000 đồng, Khấu trừ số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm 2.000.000 đồng bà X đã nộp tại biên lai thu tiền số 0000549 ngày 07/9/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Ninh Thuận (đã nộp xong).

				<p><b>Cơ sở pháp lý:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ luật dân sự năm 2015: Điều 430, 450</li> <li>- Bộ luật tố tụng dân sự 2015: Điều 30 khoản 4, Điều 37 khoản 1 điểm a, Điều 147; Điều 228 khoản 1, 2; Điều 244 khoản 2; cứ khoản 2 Điều 276; điểm c khoản 4</li> <li>- Điều 274</li> <li>- Luật Doanh nghiệp 2014: Điều 49, 53</li> <li>- Nghị định 78/2014/NĐ-CP: Điều 56</li> <li>- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án</li> </ul>	
6.	74/2022/ KDTM-PT	28/10/2022	<p><b>TAND Cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh</b></p>	<p><b>Bản án số 74/2022/KDTM-PT Ngày 28/10/2022 của TAND Cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh V/v “Tranh chấp giữa người chưa phải là thành viên công ty nhưng có giao dịch về chuyển nhượng phần vốn góp với thành viên công ty”</b></p> <p><b>Thông tin chung</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa người chưa phải là thành viên công ty nhưng có giao dịch về chuyển nhượng phần vốn góp với công ty, thành viên công ty</li> <li>- Cấp xét xử: Phúc thẩm</li> <li>- Loại vụ/việc: Kinh doanh thương mại</li> <li>- Tòa án xét xử: TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh</li> <li>- Áp dụng án lệ: Không</li> <li>- Thông tin về vụ/việc: Bà Dương Thị Thu T kiện ông Nguyễn Chí C về Tranh chấp giữa người chưa phải là thành viên công ty nhưng có giao dịch về chuyển nhượng phần vốn góp với thành viên công ty</li> </ul> <p><b>Tóm tắt nội dung vụ án:</b></p>	<p><a href="https://drive.google.com/file/d/1v0_AcQNFPIAbWfS9SkMA4AbmNQoDx-HU/view?usp=drive-link">https://drive.google.com/file/d/1v0_AcQNFPIAbWfS9SkMA4AbmNQoDx-HU/view?usp=drive-link</a></p>



Ngày 30-12-2019, bà T cùng ông Lại Nguyễn B và ông Nguyễn Chí C ký kết hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp vào Công ty TNHH Dịch vụ bảo vệ an ninh Y (sau đây gọi tắt là Công ty Y), hợp đồng được Văn phòng Công chứng Nguyễn Gia Thôn chứng thực số 10.794, quyền số 19/TP/CCSCC/HĐGD. Theo hợp đồng, bà T, ông B nhận chuyển nhượng góp vốn trị giá 800.000.000 đồng, tương đương 40% vốn điều lệ Công ty Y. Việc chuyển nhượng đã thực hiện xong, có xác nhận của ông C. Thực tế, số tiền 800.000.000 đồng là tiền của cá nhân bà T, ông B chỉ là người cùng đứng tên hợp đồng để sau này giúp bà T quản lý công ty.

Sau khi thực hiện việc chuyển nhượng phần vốn góp, ông C không giao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh để bà T và ông B cập nhật việc chuyển giao 40% trong tổng cộng 2.000.000.000 đồng vốn điều lệ của Công ty Y theo thỏa thuận đã ký kết trước đó. Ông B cũng không được quyền quản lý công ty. Bà T đã nhiều lần đề nghị ông C thực hiện cam kết nhưng ông C không thực hiện và cũng không trả lại cho bà số tiền 800.000.000 đồng. Sau đó, ông C có hứa trả lãi 02%/tháng trên, số tiền 800.000.000 đồng, xem như là số tiền ông C vay của bà T nhưng đến nay, ông C không trả lại tiền lãi, tiền gốc.

Nay, bà T khởi kiện yêu cầu hủy Hợp đồng góp vốn ký kết ngày 30-12-2019 đã được Văn phòng Công chứng Nguyễn Gia Thôn chứng thực số 10.794, quyền số 19/TP/CC-SCC/HĐGD và buộc ông Nguyễn Chí C trả lại cho bà số tiền 800.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi.

**Toà án sơ thẩm tuyên:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị Thu T đối với ông Nguyễn Chí C.
2. Hủy Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp lập ngày 30-12-2019, hợp đồng được Văn phòng Công chứng Nguyễn Gia Thôn chứng thực số 10.794, quyền số 19/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30-12-2019 giữa bà Dương Thị Thu T, ông Lại Nguyễn B và ông Nguyễn Chí C.
3. Buộc ông Nguyễn Chí C có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Dương Thị Thu T số tiền 350.000.000đ (Ba trăm năm mươi triệu đồng).
4. Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

**Toà án phúc thẩm tuyên:**

			<ol style="list-style-type: none"><li>1. Hủy Hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp lập ngày 30-12-2019 được Văn phòng Công chứng Nguyễn Gia Thôn công chứng số 10.794, quyển số 19/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 30-12-2019 giữa bà Dương Thị Thu T, ông Lại Nguyễn B và ông Nguyễn Chí C.</li><li>2. Buộc ông Nguyễn Chí C có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Dương Thị Thu T số tiền 700.000.000 đ (Bảy trăm triệu đồng).</li><li>3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực, tính từ lúc có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.</li><li>4. Về án phí sơ thẩm:<ul style="list-style-type: none"><li>- Bà Dương Thị Thu T phải chịu 5.000.000đ (Năm triệu đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 18.000.000đ (Mười tám triệu đồng) đã nộp theo Biên lai thu số 0000098 ngày 13/01/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Hoàn trả cho bà T số tiền 13.000.000đ (Mười ba triệu đồng).</li><li>- Ông Nguyễn Chí C phải chịu 32.000.000đ (Ba mươi hai triệu đồng).</li></ul></li><li>5. Về án phí phúc thẩm:<p>Bà Dương Thị Thu T không phải chịu, bà T được nhận lại số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai 0000309 ngày 20/7/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.</p><p><b>Cơ sở pháp lý:</b></p><ul style="list-style-type: none"><li>- Bộ luật dân sự năm 2015: Điều 385, 398, 423</li><li>- Bộ luật tố tụng dân sự 2015: Khoản 2 Điều 308; Điều 309</li><li>- Luật Doanh nghiệp 2014: Điều 50, Điều 53</li></ul></li></ol>	
--	--	--	---	--

				<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Khoản 2 Điều 26, khoản 5 Điều 29</li> <li>- Luật Thi hành án Dân sự: Điều 2, 6,7, 7a, 9 và Điều 30</li> </ul>	
7.	<b>225/2022/ KDTM-PT</b>	<b>25/4/2023</b>	<b>TAND Cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh</b>	<p><b>Bản án số 225/2022/KDTM-PT Ngày 25/4/2023 của TAND Cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh V/v “Tranh chấp hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng phần vốn góp giữa người chưa phải là thành viên công ty với thành viên công ty”</b></p> <p><b>Thông tin chung</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa người chưa phải là thành viên công ty nhưng có giao dịch về chuyển nhượng phần vốn góp với công ty, thành viên công ty</li> <li>- Cấp xét xử: Phúc thẩm</li> <li>- Loại vụ/việc: Kinh doanh thương mại</li> <li>- Tòa án xét xử: TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh</li> <li>- Áp dụng án lệ: Không</li> <li>- Thông tin về vụ/việc: Bà Võ Thị Mai C kiện ông Phan Thành Đ về Tranh chấp hợp đồng đặt cọc chuyển nhượng phần vốn góp giữa người chưa phải là thành viên công ty với thành viên</li> </ul> <p><b>Tóm tắt nội dung vụ án:</b></p> <p>Bà Võ Thị Mai C là chủ sở hữu và đại diện cho đồng sở hữu là Liên hiệp Hợp tác xã B đối với số vốn góp tương ứng với 100% vốn điều lệ của Công ty TNHH K (gọi tắt là công ty K) tương đương 8.000.000.000 đồng. Trong đó bà C chiếm 87% vốn điều lệ (tương đương 6.960.000.000 đồng), Liên hiệp Hợp tác xã B chiếm 13% (tương đương 1.040.000.000 đồng).</p> <p>Ngày 22/01/2020, bà C đã thỏa thuận và ký kết hợp đồng đặt cọc cam kết chuyển nhượng toàn bộ phần cổ phần với vốn điều lệ trên của Công ty K sau khi hoàn tất các thủ tục cần thiết theo quy định của pháp luật để chuyển đổi loại hình Công ty TNHH K thành Công ty cổ phần cho ông Đ với số tiền đặt cọc là 1.000.000.000 đồng, giá chuyển nhượng là 150.000.000.000 đồng. Theo hợp đồng này, tại điểm b,c, khoản</p>	<p><a href="https://drive.google.com/file/d/1iUWpzQbzfQ3YDFAu-tlyo7cJBsucOI76/view?usp=drive_link">https://drive.google.com/file/d/1iUWpzQbzfQ3YDFAu-tlyo7cJBsucOI76/view?usp=drive_link</a></p>

			<p>1.3, Điều 1 thì Bên A (bà C) có nghĩa vụ trong vòng 45 ngày các bên ký kết hợp đồng này và khoản đặt cọc được chuyển vào tài khoản của Bên A, Bên A phải hoàn tất các thủ tục cần thiết theo quy định pháp luật để nhận được bút phê của lãnh đạo tỉnh có thẩm quyền theo hướng đồng ý gia hạn, phục hồi Dự án trồng rừng được quyền tiếp tục thực hiện theo quy định pháp luật.</p> <p>Trường hợp hết hạn 45 ngày quy định tại mục b nêu trên nhưng Bên A chưa hoàn tất được công việc đã cam kết, các bên thống nhất hướng xử lý như sau:</p> <p>Nếu Bên B (ông Đ) nhận thấy sự việc tiến triển tích cực, Bên B sẽ đồng ý gia hạn thêm thời gian để cho bà C hoàn tất công việc nêu tại mục b và hỗ trợ thêm các chi phí (nếu có) để bà C hoàn tất công việc trên.</p> <p>Và ngược lại, nếu lãnh đạo tỉnh có thẩm quyền phê duyệt bất lợi theo hướng tiếp tục thu hồi dự án trồng rừng mà các bên không có thỏa thuận khác trong vòng 60 ngày kể từ ngày nhận được Thông báo của Bên B, Bên A sẽ hoàn trả lại 01 lần toàn bộ khoản đặt cọc (điểm c (ii), khoản 1.3, điều 1). Và đồng thời theo điểm b, khoản 2.2, Điều 2 thì ông Đ phải có nghĩa vụ phối hợp và hỗ trợ cho mục đích hoàn tất các công việc quy định tại Điều 1.4 của Hợp đồng này bao gồm hỗ trợ tất toán các khoản nợ, thanh lý tất cả các hợp đồng chuyển nhượng vốn góp với các cá nhân khác và nhận lại toàn bộ bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Khu đất trồng rừng của Công ty K, thực hiện công việc cần thiết để chuyển đổi loại hình Công ty từ loại hình Công ty TNHH sang Công ty cổ phần và các vấn đề khác liên quan đến Công ty K.</p> <p>Ngày 08/3/2020, bà C và ông Đ đã ký thêm phụ lục số 01 Hợp đồng đặt cọc đính kèm với Hợp đồng đặt cọc ngày 22/01/2020 để gia hạn thêm 30 ngày cho bà C hoàn tất công việc.</p> <p>Tuy nhiên, sau khi ông Đ giao số tiền 1.000.000.000 đồng đặt cọc trên, bà C đã liên hệ các cơ quan có thẩm quyền để xin gia hạn phục hồi Dự án trồng rừng như thỏa thuận nhưng kết quả phê duyệt kéo dài và bất lợi theo hướng tiếp tục thu hồi dự án. Còn phía ông Đ sau khi giao tiền thì cũng không hỗ trợ cho bà C thêm chi phí nào khác hay bất kỳ công việc gì để cho bà C xin gia hạn dự án như cam kết.</p> <p>Sau đó, ngày 26/3/2021 bà C đã gửi thư thông báo đề nghị hủy bỏ hợp đồng đặt cọc ngày 22/01/2020 nhưng ông Đ không có phản hồi gì. Ngày 10/9/2021 và ngày 20/9/2021 bà C tiếp tục gửi thông báo hủy bỏ Hợp đồng đặt cọc, các nghĩa vụ kèm theo và chuyện trả lại tiền đặt cọc trên cho ông Đ.</p> <p>Ngày 20/9/2021 bà C đã chuyển cho ông Đ số tiền là 1.000.000.000 đồng liền đặt cọc theo hợp đồng ngày 22/01/2020. Ngày 24/9/2021 bà C tiếp tục chuyển số tiền là 1.000.000.000 đồng tiền hỗ trợ kèm theo thư đề nghị ngày 20/9/2021. Tổng cộng bà C chuyển cho ông Đ số tiền là 2.000.000.000 đồng.</p>	
--	--	--	--	--

			<p>Ngày 24/9/2021, bà C nhận được Thông báo ghi ngày 21/9/2021 của ông Đ với nội dung không đồng ý chấm dứt hợp đồng và không đồng ý nhận lại số tiền đặt cọc trước đây và đề nghị tiếp tục thực hiện hợp đồng đặt cọc trên. Mặc dù ông Đ có phúc đáp tuy nhiên ông Đ vẫn không hỗ trợ bất kỳ điều gì dẫn đến việc bà C có thể tiếp tục hợp đồng với ông Đ. Nên bà C đã chủ động trả lại cho ông Đ số tiền 1.000.000.000 đồng tiền nhận cọc của ông Đ và số tiền 1.000.000.000 đồng tiền phạt cọc theo hợp đồng, tổng cộng là 2.000.000.000 đồng, bằng hình thức chuyển khoản.</p> <p>Do hợp đồng đặt cọc bà C không thể thực hiện nên bà C đề nghị Tòa án hủy toàn bộ Hợp đồng đặt cọc ngày 22/01/2020 và hủy Phụ lục số 01 Hợp đồng đặt cọc ngày 08/03/2020 đính kèm với Hợp đồng đặt cọc ngày 22/01/2020 giữa bà Võ Thị Mai C và ông Phan Thành Đ. Bà C không yêu cầu ông Đ hoàn trả lại số tiền 1.000.000.000 đồng tiền bà C nhận cọc của ông Đ và số tiền 1.000.000.000 đồng tiền phạt cọc theo hợp đồng, tổng cộng là 2.000.000.000 đồng bà C chuyển khoản cho ông Đ.</p> <p><b>Toà án sơ thẩm tuyên:</b></p> <ol style="list-style-type: none"><li>1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Mai C về việc yêu cầu hủy Hợp đồng đặt cọc ngày 22/01/2020 và Phụ lục số 01 của hợp đồng đặt cọc ngày 08/03/2020 giữa bà Võ Thị Mai C và ông Phan Thành Đ.</li><li>2. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Phan Thành Đ về việc buộc bà Võ Thị Mai C phải tiếp tục thực hiện Hợp đồng đặt cọc ngày 22/01/2020 và không chấp nhận yêu cầu của ông Phan Thành Đ về việc buộc bà Võ Thị Mai C phải thực hiện thủ tục chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại Công ty cổ phần K theo các điều khoản và điều kiện quy định tại hợp đồng đặt cọc cho ông Phan Thành Đ.</li><li>3. Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo.</li></ol> <p><b>Toà án phúc thẩm tuyên:</b></p> <ol style="list-style-type: none"><li>1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Mai C.</li><li>2. Tuyên hủy Hợp đồng đặt cọc ngày 22/01/2020 và Phụ lục số 01 ngày 08/03/2020 giữa bà Võ Thị Mai C và ông Phan Thành Đ.</li><li>3. Không chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn ông Phan Thành Đ về việc buộc bà Võ Thị Mai C phải tiếp tục thực hiện Hợp đồng đặt cọc ngày 22/01/2020 và không chấp nhận yêu cầu của ông Phan</li></ol>	
--	--	--	---	--

				<p>Thành Đ về việc buộc bà Võ Thị Mai C phải thực hiện thủ tục chuyển nhượng toàn bộ cổ phần tại Công ty cổ phần K theo các điều khoản và điều kiện quy định tại hợp đồng đặt cọc cho ông Phan Thành Đ.</p> <p>4. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Bị đơn ông Phan Thành Đ phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm là 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) nhưng được cân trừ vào số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 0003191 ngày 14 tháng 10 năm 2022 của Cục Thi hành án Dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.</p> <p><b>Cơ sở pháp lý:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ luật dân sự năm 2015: Điều 385, 398, 401, 403, Điều 428, Khoản 2 Điều 328; Điều 419</li> <li>- Bộ luật tố tụng dân sự 2015: khoản 2 Điều 92; khoản 1 Điều 308</li> <li>- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án</li> </ul>	
8.	<b>04/2023/ KDTM-PT</b>	<b>16/3/2023</b>	<b>TAND tỉnh Long An</b>	<p><b>Bản án số 04/2023/KDTM-PT Ngày 16/3/2023 của TAND tỉnh Long An V/v tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng vốn góp</b></p> <p><b>Thông tin chung</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa người chưa phải là thành viên công ty nhưng có giao dịch về chuyển nhượng phần vốn góp với công ty, thành viên công ty</li> <li>- Cấp xét xử: Phúc thẩm</li> <li>- Loại vụ/việc: Kinh doanh thương mại</li> <li>- Tòa án xét xử: TAND tỉnh Long An</li> <li>- Áp dụng án lệ: Không</li> <li>- Thông tin về vụ/việc: Nguyễn Thị Tuyết H "Tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng phần vốn góp" Công ty Cổ phần L</li> </ul>	<p><a href="https://drive.google.com/file/d/1MXkSgQegHAA8Az-5pZGrQj2PHrlw747/view?usp=drive_link">https://drive.google.com/file/d/1MXkSgQegHAA8Az-5pZGrQj2PHrlw747/view?usp=drive_link</a></p>

**Tóm tắt nội dung vụ án:**

Ngày 14/5/2019, bà Nguyễn Thị Tuyết H và Công ty Cổ phần L (sau đây gọi tắt là Công ty L) có ký kết Biên bản thỏa thuận và Hợp đồng để chuyển nhượng 100% vốn góp tại Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Nông Sản H (sau đây gọi tắt là Công ty H) thuộc sở hữu của bà H cho Công ty L, với giá chuyển nhượng là 60.000.000.000 đồng (sáu mươi tỷ đồng), việc thanh toán được chia thành 02 đợt, mỗi đợt 30.000.000.000 đồng (ba mươi tỷ đồng) và thời hạn thanh toán cuối cùng là ngày 22/6/2019.

Theo đó, bà H đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ theo thỏa thuận và cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cũng đã xác nhận Công ty L trở thành chủ sở hữu mới của Công ty H vào ngày 14/5/2019. Tuy nhiên, Công ty L đã không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình đúng như đã cam kết với bà H. Đến ngày 22/6/2019, Công ty L chỉ thanh toán cho bà H số tiền chuyển nhượng đợt 01 là 30.000.000.000 đồng (ba mươi tỷ đồng). Sau đó, từ ngày 23/07/2019 đến 25/02/2020, Công ty L thanh toán tiếp 04 đợt với tổng số tiền được 13.000.000.000 đồng (mười ba tỷ đồng), bao gồm:

+ Ngày 23/7/2019: thanh toán 10.000.000.000 đồng (mười tỷ đồng)

+ Ngày 12/12/2019: thanh toán 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng)

+ Ngày 13/01/2020: thanh toán 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng)

+ Ngày 25/02/2020: thanh toán 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng)

Như vậy, Công ty L còn nợ bà H số tiền vốn là 17.000.000.000 đồng (mười bảy tỷ đồng).

Bà H đã nhiều lần yêu cầu Công ty L thanh toán nhưng không được giải quyết. Tại cuộc họp ngày 16/4/2021, người đại diện theo pháp luật của Công ty L là ông Nguyễn Phi Long đã xác nhận công nợ và đề nghị cho thêm thời gian trả nợ và sẽ trả lời vào cuộc họp ngày 06/5/2021.

Sau nhiều lần trì hoãn, tại cuộc họp ngày 10/5/2021, bà H đã yêu cầu Công ty L thanh toán đầy đủ tiền nợ gốc là 17.000.000.000 đồng (mười bảy tỷ đồng) và tiền lãi do chậm trả là 10%/năm kể từ ngày phát sinh khoản nợ đến ngày thanh toán và phải trả hết trong vòng 03 tháng kể từ ngày 10/5/2021. Công ty L đã xác nhận công nợ, nhưng về phương án trả nợ thì sẽ xin ý kiến của Ban lãnh đạo và phản hồi chậm nhất là 01 tuần kể từ ngày 10/5/2021.

			<p>Đến ngày 27/12/2021, sau hơn 07 tháng không nhận được bất kỳ phản hồi nào từ Công ty L, bà H đã ủy quyền cho ông Nguyễn Hồng T gửi thông báo yêu cầu Công ty L thanh toán công nợ lần cuối và yêu cầu phải phản hồi trước 10/01/2022. Tuy nhiên, đã quá thời hạn nhưng Công ty L vẫn trốn tránh và không có thiện chí hợp tác để trả nợ. Do đó, bà H làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:</p> <p>Buộc Công ty L thanh toán cho bà H một lần toàn bộ số tiền 24.594.500.000 đồng (hai mươi bốn tỷ, năm trăm chín mươi bốn triệu, năm trăm nghìn đồng) ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Tiền nợ gốc còn lại là: 17.000.000.000 đồng (mười bảy tỷ đồng). - Lãi suất do chậm trả (tạm tính đến ngày 10/01/2022) là: 7.594.500.000 đồng (bảy tỷ năm trăm chín mươi bốn triệu năm trăm nghìn đồng).</li><li>- Đồng thời yêu cầu Công ty L tiếp tục trả lãi đối với số tiền nợ gốc tính từ ngày 11/01/2022 đến khi giải quyết xong với mức lãi suất là 0,83%/tháng.</li></ul> <p>Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, trong các ngày 23/6/2022; 23/7/2022 và ngày 25/8/2022, Công ty L có trả thêm cho bà H số tiền vốn còn nợ tổng cộng là 300.000.000 đồng.</p> <p>Tại phiên tòa sơ thẩm, ông T đại diện theo ủy quyền của bà H xác định lại yêu cầu khởi kiện của bà H. Cụ thể:</p> <p>Bà H yêu cầu Tòa án buộc Công ty L thanh toán cho bà H 01 lần toàn bộ số tiền 22.404.783.667 đồng ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Tiền nợ gốc còn lại là: 16.700.000.000 đồng (mười sáu tỷ bảy trăm triệu đồng).</li></ul> <p>Lãi suất do chậm trả tính đến ngày 23/9/2022 là: 5.704.783.667 đồng. Bà H rút yêu cầu khởi kiện đòi trả số tiền 2.189.716.333 đồng (24.594.500.000 đồng - 22.404.783.667 đồng)</p> <p><b>Toà án sơ thẩm tuyên:</b></p> <ol style="list-style-type: none"><li>1. Đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tuyết H về việc yêu cầu Công ty Cổ phần L trả số tiền 2.189.716.333 đồng.</li><li>2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Tuyết H đối với Công ty Cổ phần L.</li></ol>	
--	--	--	--	--



				<p>3. Buộc Công ty Cổ phần L trả lại cho bà Nguyễn Thị Tuyết H số tiền 22.404.783.667 đồng (hai mươi hai tỷ, bốn trăm lẻ bốn triệu, bảy trăm tám mươi ba nghìn, sáu trăm sáu mươi bảy đồng).</p> <p><b>Toà án phúc thẩm tuyên:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Công ty Cổ phần L.</li> <li>2. Huỷ Bản án sơ thẩm số: 07/2022/KDTM-ST ngày 23 tháng 9 năm 2022 của Toà án nhân dân huyện B.</li> <li>3. Giao hồ sơ vụ án về Toà án nhân dân huyện B để xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.</li> <li>4. Về án phí phúc thẩm: Công ty Cổ phần L không phải chịu. Hoàn trả cho Công ty Cổ phần L 3.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0012285 ngày 28/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện B.</li> </ol> <p><b>Cơ sở pháp lý:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Bộ luật dân sự năm 2015: Điều 357 và Điều 468</li> <li>- Bộ luật tố tụng dân sự 2015: khoản 3 Điều 30, Điều 35 và 37; khoản 3 Điều 308; Điều 310</li> </ul>	
9.	<b>26/2022/ KDTM-PT</b>	<b>16/5/2022</b>	<b>TAND Cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh</b>	<p><b>Bản án số 26/2022/KDTM-PT Ngày 16/5/2022 của TAND Cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh V/v Tranh chấp giữa các thành viên của công ty về việc trả lại tài sản vốn góp cho công ty.</b></p> <p><b>Thông tin chung</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa người chưa phải là thành viên công ty nhưng có giao dịch về chuyển nhượng phần vốn góp với công ty, thành viên công ty</li> <li>- Cấp xét xử: Phúc thẩm</li> <li>- Loại vụ/việc: Kinh doanh thương mại</li> <li>- Tòa án xét xử: TAND cấp cao tại TP Hồ Chí Minh</li> <li>- Áp dụng án lệ: Không</li> </ul>	<p><a href="https://drive.google.com/file/d/1LaglCzovPLnDopzAoFGdhvHN50QDido0/view?usp=drive_link">https://drive.google.com/file/d/1LaglCzovPLnDopzAoFGdhvHN50QDido0/view?usp=drive_link</a></p>

			<p>- Thông tin về vụ/việc: Sửa Bản án số 02/2021/KDTM-ST ngày 10/12/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh</p> <p><b>Tóm tắt nội dung vụ án:</b></p> <p>Vợ chồng bà Trần Hồng H và ông Phan Văn H có quen biết với ông Trần Hoàng T1 là Giám đốc Công ty TNHH Dinh dưỡng chăn nuôi H1 (gọi tắt là Công ty H1, Công ty) nên có đầu tư cho Công ty H1.</p> <p>Ngày 09/3/2017, bà Trần Thị T3 có chuyển nhượng phần vốn góp cho ông H 100.000.000 đồng và ông T1 chuyển nhượng cho bà H 800.000.000 đồng nên ngày 10/3/2017 vợ chồng bà H trở thành thành viên của Công ty H1 theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (đăng ký thay đổi lần 2). Tuy nhiên, thực tế bà H góp vốn cho Công ty cụ thể như sau:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Ngày 14/3/2017, ông H chuyển khoản đầu tư góp vốn 50.000.000 đồng và ngày 17/3/2017 ông H chuyển khoản tiếp 90.000.000 đồng vào tài khoản của Công ty H1;</li><li>- Ngày 15/5/2017, ông H cho Công ty H1 (do ông T1 giám đốc) vay 350.000.000 đồng;</li><li>- Ngày 15/5/2017, bà H cho bà T3 (thay mặt cho Công ty H1) vay 150.000.000 đồng;</li><li>- Ngày 21/5/2017, bà H cho ông T1 vay 100.000.000 đồng và ngày 26/5/2017 bà H cho ông T1 vay tiếp 50.000.000 đồng;</li></ul> <p>Đến ngày 05/6/2017, ông H đã chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp 100.000.000 đồng sang cho bà H đứng tên và bà T3 chuyển nhượng toàn bộ phần vốn góp 500.000.000 đồng sang cho ông T1 nên ngày 05/6/2017, giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi, danh sách thành viên vốn góp còn lại gồm 02 thành viên là bà Trần Hồng H và ông Trần Hoàng T1.</p> <p>Trong quá trình hoạt động, ông T1 và bà T3 là người trực tiếp điều hành, quản lý Công ty H1, khi nào có lãi sẽ thông báo cho bà H đến nhận. Ông T1 có báo cho bà H biết đã mua máy móc, trang thiết bị, nguyên vật liệu để sản xuất thức ăn chăn nuôi và Công ty H1 hoạt động rất tốt. Bà H có yêu cầu ông T1 chuyển lãi nhưng không được, sau đó bà H mới biết Công ty không hoạt động như ông T1 nói.</p> <p>Vì vậy, ngày 21/6/2017, Công ty H1 lập Biên bản họp Hội đồng thành viên với nội dung thể hiện bà H góp vốn số tiền 715.542.000 đồng. Ông T1 cho rằng số tiền bà H góp vào Công ty để mua máy móc mới và</p>	
--	--	--	--	--

			<p>nguyên vật liệu nhưng thực tế khi bà H đến kiểm tra thì máy móc, các nguyên vật liệu đã cũ nát, bị hỏng không sử dụng được. Bà H có yêu cầu ông T1 cung cấp hóa đơn, chứng từ chứng minh nhưng ông T1 không xuất trình được.</p> <p>Bà H khẳng định Công ty H1 chưa hoạt động theo quy định pháp luật vì Công ty chưa được cơ quan thuế cấp hóa đơn giá trị gia tăng nên việc ông T1 cho rằng sử dụng tiền để mua máy móc, nguyên liệu sản xuất là không có căn cứ.</p> <p>Nay bà H khởi kiện yêu cầu Giám đốc Công ty H1 là ông T1 phải hoàn trả cho Công ty H1 số tiền mà bà H đã góp vào là 715.542.000 đồng vì ông T1 sử dụng vốn góp không đúng mục đích, không đầu tư cho hoạt động của Công ty.</p> <p><b>Toà án sơ thẩm tuyên:</b></p> <ol style="list-style-type: none"><li>1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Trần Hồng H đối với ông Trần Hoàng T1 – Giám đốc Công ty TNHH Dinh dưỡng chăn nuôi H1 về việc trả lại số tiền vốn góp về cho Công ty TNHH Dinh dưỡng chăn nuôi H1.</li><li>2. Buộc ông Trần Hoàng T1 có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH Dinh dưỡng chăn nuôi H1 số tiền 538.965.275 đồng (Năm trăm ba mươi tám triệu chín trăm sáu mươi lăm nghìn hai trăm bảy mươi lăm đồng).</li></ol> <p><b>Toà án phúc thẩm tuyên:</b></p> <ol style="list-style-type: none"><li>1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Trần Hồng H đối với ông Trần Hoàng T1 – Giám đốc Công ty TNHH Dinh dưỡng chăn nuôi H1 về việc trả lại số tiền vốn góp về cho Công ty TNHH Dinh dưỡng chăn nuôi H1.</li><li>2. Buộc ông Trần Hoàng T1 có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH Dinh dưỡng chăn nuôi H1 số tiền 715.542.000 đồng.</li><li>3. Chi phí tố tụng:<ul style="list-style-type: none"><li>- Chi phí giám định chữ ký: Bà Trần Hồng H phải chịu 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng), ghi nhận đã nộp xong.</li></ul></li></ol>	
--	--	--	---	--

			<ul style="list-style-type: none"><li>- Chi phí thẩm định tại chỗ 1.000.000 đồng và chi phí định giá 22.000.000 đồng, tổng cộng 23.000.000 đồng, bà H đã tạm ứng 23.000.000 đồng nên ông T1 có nghĩa vụ trả lại cho bà H số tiền 23.000.000 đồng.</li></ul> <p>4. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Hoàn tạm nộp án phí cho bà Trần Hồng H số tiền tạm ứng án phí đã nộp 16.321.000 đồng tại biên lai thu số 0006648 ngày 05/3/2019 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.</li><li>- Ông Trần Hoàng T1 phải chịu án phí đối với số tiền có nghĩa vụ trả cho Công ty H1, án phí là 32.621.680 đồng.</li></ul> <p>Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.</p> <p>5. Về án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm: Các đương sự không phải chịu.</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Hoàn tạm nộp án phí số tiền tạm ứng án phí ông Trần Hoàng T1 đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0000080 ngày 30/12/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.</li><li>- Hoàn tạm nộp án phí số tiền tạm ứng án phí bà Trần Hồng H đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu số 0000079 ngày 29/12/2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.</li></ul> <p><b>Cơ sở pháp lý:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Bộ luật dân sự năm 2015: khoản 2 Điều 468</li><li>- Bộ luật tố tụng dân sự 2015: khoản 2 Điều 308</li><li>- Luật Doanh nghiệp 2014: Điều 11, 14, 48, 50, 51, 64, 72</li><li>- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án</li><li>- Luật Thi hành án Dân sự: Điều 2, 6,7, 9 và Điều 30</li></ul>	
--	--	--	---	--

10.	27/2023/ KDTM-PT	27/6/2023	TAND tỉnh Bình Dương	<p><b>Bản án số 27/2023/KDTM-PT Ngày 27/6/2023 của TAND tỉnh Bình Dương V/v tranh chấp hợp đồng đặt cọc và tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng vốn góp</b></p> <p><b>Thông tin chung</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa người chưa phải là thành viên công ty nhưng có giao dịch về chuyển nhượng phần vốn góp với công ty, thành viên công ty</li> <li>- Cấp xét xử: Phúc thẩm</li> <li>- Loại vụ/việc: Kinh doanh thương mại</li> <li>- Tòa án xét xử: TAND tỉnh Bình Dương</li> <li>- Áp dụng án lệ: Không</li> <li>- Thông tin về vụ/việc: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được hủy hợp đồng đặt cọc ngày 04/6/2020 giữa Công ty V và Công ty C. Buộc Công ty V trả lại tiền cọc đã nhận là 3.000.000.000 đồng. Ngày 20/10/2022, nguyên đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án xem xét hủy hợp đồng chuyển nhượng vốn góp giữa bà Nguyễn Hoài T8 và ông Trần Thế A, hợp đồng được Văn phòng Công chứng T7 công chứng ngày 17/12/2020. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty V và Công ty TNHH V1 liên đới trả lại số tiền cọc đã nhận là 3.000.000.000 đồng.</li> </ul> <p><b>Tóm tắt nội dung vụ án:</b></p> <p>Ngày 04/6/2020, Công ty TNHH Sản xuất Thương mại C (sau đây gọi là Công ty C) có ký hợp đồng đặt cọc đối với Công ty TNHH V (sau đây gọi là Công ty V) để chuyển nhượng quyền sử dụng đất cùng tài sản gắn liền với đất thuộc thửa đất số 859, tờ bản đồ số 42, diện tích 25.645,9m<sup>2</sup> đất tọa lạc tại xã L, huyện B5, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU do Sở T6 tỉnh Bình Dương cấp ngày 10/01/2020 cho Công ty V. Giá chuyển nhượng là 26.000.000.000 đồng. Ngay sau khi ký hợp đồng đặt cọc Công ty C đã chuyển cọc số tiền 3.000.000.000 đồng cho Công ty V. Số tiền còn lại sẽ được thanh toán thành 02 đợt; đợt 1 bên A đặt cọc thêm số tiền 15.000.000.000 đồng khi có phiếu hẹn giấy phép xây dựng, đợt 2 thanh toán 8.000.000.000 đồng khi công chứng hợp đồng chuyển nhượng. Do đất chuyển nhượng là đất sản xuất kinh doanh và thực hiện dự án theo chủ trương của Cơ quan U nên việc thay đổi chủ đầu tư và</p>	<a href="https://drive.google.com/file/d/1xGFK0dchwKQIKKCMuD4JtFyxGTj0Dhnc/view?usp=drive_link">https://drive.google.com/file/d/1xGFK0dchwKQIKKCMuD4JtFyxGTj0Dhnc/view?usp=drive_link</a>
-----	---------------------	-----------	-------------------------------	---	---

			<p>dự án cần phải có chủ trương chấp thuận của Cơ quan U nhưng tại thời điểm đặt cọc không có các văn bản này. Sau đó, Công ty V có đề nghị Công ty C ký thêm cọc là 900.000.000 đồng để Công ty V thay chủ đầu tư cũng như chủ trương nhưng Công ty C không đồng ý nên việc tiếp tục chuyển tiền theo thỏa thuận tại hợp đồng không thực hiện được do có sự nhầm lẫn khi tiến hành ký hợp đồng đặt cọc.</p> <p>Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu được hủy hợp đồng đặt cọc ngày 04/6/2020 giữa Công ty V và Công ty C. Buộc Công ty V trả lại tiền cọc đã nhận là 3.000.000.000 đồng. Ngày 20/10/2022, nguyên đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu Tòa án xem xét hủy hợp đồng chuyển nhượng vốn góp giữa bà Nguyễn Hoài T8 và ông Trần Thế A, hợp đồng được Văn phòng Công chứng T7 công chứng ngày 17/12/2020. Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Công ty V và Công ty TNHH V1 liên đới trả lại số tiền cọc đã nhận là 3.000.000.000 đồng.</p> <p><b>Toà án sơ thẩm tuyên:</b></p> <ol style="list-style-type: none"><li>1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH Sản xuất Thương mại C đối với bị đơn Công ty TNHH V tranh chấp hợp đồng đặt cọc và tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng vốn góp.</li><li>2. Chấm dứt hợp đồng đặt cọc 01/2020 ngày 04/6/2020 giữa Công ty TNHH Sản xuất Thương mại C và Công ty TNHH V.</li><li>3. Không chấp nhận yêu cầu của Công ty TNHH Sản xuất Thương mại C đối với Công ty TNHH V và Công ty TNHH V về việc liên đới trả lại số tiền cọc là 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng).</li><li>4. Công ty TNHH V được hưởng số tiền đặt cọc 3.000.000.000 đồng (ba tỷ đồng) do Công ty TNHH Sản xuất Thương mại C đặt cọc vào ngày 04/6/2020.</li><li>5. Không chấp nhận yêu cầu hủy hợp đồng chuyển nhượng vốn góp ngày 17/12/2020 giữa bà Nguyễn Hoài T8 và ông Trần Thế A.</li></ol> <p><b>Toà án phúc thẩm tuyên:</b></p> <ol style="list-style-type: none"><li>1. Chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn Công ty TNHH Sản xuất Thương mại C.</li><li>2. Hủy Bản án kinh doanh, thương mại sơ thẩm số 37/2022/KDTM-ST ngày 28/12/2022 của Tòa án nhân dân thành phố T1, tỉnh Bình Dương.</li></ol>	
--	--	--	---	--

			<p>3. Chuyển hồ sơ vụ án về cho Tòa án nhân dân thành phố T1 giải quyết lại theo thủ tục sơ thẩm.</p> <p>4. Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:</p> <p>Công ty TNHH Sản xuất Thương mại C không phải chịu án phí, Chi cục Thi hành án thành phố T1 hoàn trả lại cho Công ty TNHH Sản xuất Thương mại C tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 2.000.000 (hai triệu) đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0003884 ngày 09/01/2023.</p> <p><b>Cơ sở pháp lý:</b></p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Bộ luật dân sự năm 2015: Điều 328</li><li>- Bộ luật tố tụng dân sự 2015: Điều 5, Điều 30, Điều 35, Điều 68, 70, khoản 3 Điều 308, Điều 106, Điều 244; Điều 310, Điều 313</li><li>- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án</li></ul>	
--	--	--	---	--